

Số: /KH-SGDĐT

Tây Ninh, ngày tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH
Tuyển sinh vào các lớp đầu cấp của trường phổ thông
năm học 2026 - 2027

Căn cứ Quyết định số 525/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường Tiểu học (gọi tắt là Điều lệ trường tiểu học); Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (gọi tắt là Điều lệ trường trung học); Thông tư số 10/2021/TT-BGDĐT ngày 05/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên (GDTX); Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Công văn số 621/BGDĐT-GDPT ngày 05/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường quản lý, chỉ đạo công tác tuyển sinh mầm non, tuyển sinh đầu cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông năm học 2026-2027;

Căn cứ Quyết định số 2836/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) xây dựng Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 1 cấp tiểu học (TH), lớp 6 cấp trung học cơ sở (THCS) và lớp 10 cấp trung học phổ thông (THPT) và giáo dục thường xuyên (GDTX) năm học 2026 - 2027 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. NGUYÊN TẮC TUYỂN SINH

1. Đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập cho con em nhân dân, đặc biệt là con em gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

2. Củng cố, duy trì, giữ vững và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập trung học cơ sở; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

3. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở từng địa phương; thực hiện tốt xã hội hóa giáo dục, thực hiện tốt chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh được đến trường, đảm bảo công bằng giáo dục.

4. Học sinh tiểu học trong độ tuổi theo quy định tại Điều 33 Điều lệ trường tiểu học¹ được học tại một trường, lớp thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học, bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại của học sinh trên địa bàn cư trú.

5. Học sinh hoàn thành chương trình THCS tại Tây Ninh trong độ tuổi theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ trường trung học²; học sinh ngoài tỉnh có nơi thường trú tại tỉnh Tây Ninh tốt nghiệp THCS từ trước năm học 2025-2026 còn trong độ tuổi được tham gia dự thi tuyển sinh vào lớp 10 các trường THPT công lập năm học 2026 – 2027 trên địa bàn tỉnh. Học sinh hoàn thành chương trình THCS năm học 2025-2026 ở tỉnh khác không được tham gia dự thi.

II. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

1. Đối với lớp 1 và lớp 6

- 100% trẻ trong độ tuổi vào học lớp 1.

- 100% học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học được vào học lớp 6 tại các trường trung học cơ sở công lập hoặc ngoài công lập, trong đó

¹ Điều 33. Tuổi của học sinh tiểu học

1. Tuổi của học sinh vào học lớp một là 06 tuổi và được tính theo năm. Trẻ em khuyết tật, kém phát triển về thể lực hoặc trí tuệ, trẻ em ở những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ em người dân tộc thiểu số, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em ở nước ngoài về nước, con em người nước ngoài học tập, làm việc ở Việt Nam có thể vào học lớp một ở độ tuổi cao hơn so với quy định nhưng không quá 03 tuổi. Trường hợp trẻ em vào học lớp một vượt quá 03 tuổi so với quy định sẽ do trường phòng Giáo dục và Đào tạo quyết định.

2. Học sinh tiểu học học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định trong trường hợp học sinh học lưu ban, học sinh ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh là người khuyết tật, học sinh kém phát triển về thể lực hoặc trí tuệ, học sinh mồ côi không nơi nương tựa, học sinh ở nước ngoài về nước và trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

² Điều 33. Tuổi của học sinh trường trung học

1. Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi. Tuổi của học sinh vào học lớp 10 là 15 tuổi. Đối với những học sinh được học vượt lớp ở cấp học trước hoặc học sinh vào cấp học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định thì tuổi vào lớp 6 và lớp 10 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm tốt nghiệp cấp học trước.

2. Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 03 tuổi so với tuổi quy định.

3. Học sinh không được lưu ban quá 03 lần trong một cấp học.

các trường trung học cơ sở công lập có kế hoạch tuyển sinh 100% số học sinh trên địa bàn.

- Chỉ tiêu tuyển sinh lớp 1, lớp 6 do Hội đồng tuyển sinh của các đơn vị xã/phường công bố.

2. Đối với lớp 10

Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ vào điều kiện thực tế về cơ sở vật chất và đội ngũ của từng trường để giao chỉ tiêu tuyển sinh cụ thể cho từng đơn vị, bảo đảm khai thác tối đa cơ sở vật chất và đội ngũ. Thí sinh không trúng tuyển vào lớp 10 hệ THPT, có thể đăng ký học tại các trường tư thục, trung tâm thuộc Sở hoặc học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

III. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

1. Tuyển sinh vào lớp 1

- Tuyển sinh vào học lớp 1 bằng hình thức xét tuyển (*việc xác định độ tuổi được quy định tại Điều 33 của Điều lệ trường tiểu học và căn cứ trên giấy khai sinh của trẻ*); ưu tiên học sinh trên địa bàn vào học lớp 1, Ủy ban nhân dân xã, phường quy định (học sinh vùng ven do các xã, phường phối hợp thống nhất); nghiêm cấm các trường hợp chạy trường.

- Không nhận học sinh học trước tuổi (*trừ trường hợp phát triển sớm về trí tuệ được cơ quan có thẩm quyền quyết định*), bố trí sĩ số học sinh/lớp theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

- Thời gian xét tuyển vào lớp 1 hoàn thành trước ngày 31/7/2026.

- Ủy ban nhân dân xã, phường (gọi chung là UBND xã) phê duyệt danh sách trúng tuyển.

2. Tuyển sinh vào lớp 6

- Tuyển sinh vào lớp 6 theo hình thức xét tuyển căn cứ trên kết quả công nhận hoàn thành chương trình tiểu học và kết quả đánh giá cuối năm lớp 5 ở hai môn Tiếng Việt và Toán.

- Bố trí sĩ số học sinh/lớp theo quy định Điều lệ trường trung học.

- Thời gian xét tuyển vào lớp 6 hoàn thành trước ngày 31/7/2026.

- Việc tuyển sinh theo địa bàn học tập hoặc cư trú của học sinh, thực hiện theo kế hoạch tuyển sinh do UBND xã quyết định (học sinh vùng ven do các xã, phường phối hợp thống nhất).

- UBND xã phê duyệt danh sách trúng tuyển.

3. Tuyển sinh vào lớp 10 các trường phổ thông công lập

3.1. Phương thức tuyển sinh

Tổ chức tuyển sinh vào lớp 10 THPT của các trường phổ thông công lập thực hiện theo phương thức thi tuyển theo địa bàn nơi có trường THPT, THCS&THPT (trường có cấp THPT) cụ thể:

- Các trường thi tuyển vào lớp 10 công lập theo cụm được quy định tại Phụ lục I kèm theo.
- Điểm xét tuyển là tổng điểm của 3 môn thi và điểm ưu tiên, khuyến khích (nếu có).
- Mỗi học sinh đăng ký tuyển sinh được chọn tối đa 03 nguyện vọng trong các trường có cấp THPT (không phân biệt địa bàn) theo Phụ lục đính kèm theo Kế hoạch này.
- Ở cùng một trường, điểm chuẩn trúng tuyển nguyện vọng 2 cao hơn điểm chuẩn nguyện vọng 1 là 1,0 điểm; điểm chuẩn nguyện vọng 3 cao hơn nguyện vọng 2 là 1.0 điểm. **Học sinh trúng tuyển nguyện vọng nào phải học theo nguyện vọng đó trong suốt thời gian học THPT (tránh trường hợp chạy trường), trừ trường hợp di chuyển nơi cư trú được giải quyết theo quy định.**
- Riêng việc tuyển sinh Trường THPT chuyên Trần Văn Giàu, Trường THPT chuyên Hoàng Lê Kha, Trường Phổ thông dân tộc nội trú; tuyển sinh đối với các lớp chất lượng cao của Trường THPT Lê Quý Đôn (phường Long An), Trường THPT Hậu Nghĩa, Trường THPT Cần Đức, Trường THPT Thiên Hộ Dương và Trường THPT Nguyễn Trung Trực – Bến Lức có văn bản hướng dẫn riêng.

3.2. Môn thi, đề thi

a) Môn thi

- Môn Toán, Ngữ văn: thời gian làm bài 120 phút, hình thức tự luận.
- Môn Tiếng Anh: thời gian làm bài 60 phút, hình thức trắc nghiệm.

b) Đề thi

- Nội dung đề thi nằm trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp THCS, chủ yếu là chương trình lớp 9.
- Cấu trúc đề thi: Thực hiện theo Công văn số 707/SGDDT-QLCL-CDS ngày 03/02/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thông báo cấu trúc đề thi tuyển sinh 10 hệ không chuyên năm học 2026-2027.

3.3. Thời gian thi tuyển, xét tuyển và công bố kết quả tuyển sinh

- Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 các trường công lập được tổ chức vào ngày **02, 03/6/2026**.
- Thời gian xét tuyển: hạn cuối ngày **19/7/2026**.
- Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: **ngày 20/7/2026**.

4. Tuyển sinh vào lớp 10 các trường phổ thông ngoài công lập

Các trường phổ thông ngoài công lập được tuyển sinh trên phạm vi toàn tỉnh.

5. Tuyển sinh vào lớp 10 hệ giáo dục thường xuyên

- Học sinh không trúng tuyển vào lớp 10 các trường phổ thông công lập có thể đăng ký tuyển vào lớp 10 chương trình GDTX tại Trung tâm trực thuộc được Sở GD&ĐT giao chỉ tiêu.

- Điểm xét tuyển là tổng điểm học tập, rèn luyện của 4 năm học và điểm ưu tiên, khuyến khích (nếu có), xếp từ cao đến thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu tuyển sinh, theo nguyên tắc như sau:

a) Điểm kết quả rèn luyện, học tập của 4 năm học ở cấp học THCS của đối tượng tuyển sinh, nếu lưu ban lớp nào thì lấy kết quả năm học lại của lớp đó;

b) Tính Điểm học tập và Điểm rèn luyện, dựa vào kết quả học tập và kết quả rèn luyện 4 năm học của đối tượng xét tuyển (lớp 6, 7, 8, 9), cụ thể mỗi năm học tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------------------------------|
| + Kết quả học tập mức Tốt: 5 điểm | + Kết quả rèn luyện mức Tốt: 5 điểm |
| + Kết quả học tập mức Khá: 4 điểm | + Kết quả rèn luyện mức Khá: 4 điểm |
| + Kết quả học tập mức Đạt: 3 điểm | + Kết quả rèn luyện mức Đạt: 3 điểm |

** Điểm học tập và rèn luyện từng lớp = Điểm học tập + Điểm rèn luyện.*

** Cách tính Tổng điểm 4 năm học để xét tuyển như sau:*

Tổng điểm xét tuyển = Điểm học tập và rèn luyện lớp 6 + Điểm học tập và rèn luyện lớp 7 + Điểm học tập và rèn luyện lớp 8 + Điểm học tập và rèn luyện lớp 9 + Điểm ưu tiên, khuyến khích (nếu có).

6. Chế độ tuyển thẳng, ưu tiên, khuyến khích

Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Triển khai thực hiện Kế hoạch tuyển sinh này đến UBND các xã, phường và Hiệu trưởng các trường phổ thông, Giám đốc trung tâm trực thuộc.

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ thi cho các trường/trung tâm.

- Gửi đăng tải thông tin tuyển sinh trên báo, đài phát thanh, website của Sở; phối hợp tổ chức giao lưu trực tuyến thông qua chương trình của Báo và phát thanh, truyền hình Tây Ninh về Kế hoạch tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2026-2027.

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân xã, phường

- Thành lập Ban chỉ đạo và xây dựng Kế hoạch tuyển sinh các lớp đầu cấp tại địa phương; thông báo Kế hoạch tuyển sinh trên Đài truyền thanh địa phương; chỉ đạo các tổ chức đoàn thể, các tổ chức hội để tuyên truyền rộng rãi đến người dân về Kế hoạch tuyển sinh vào các lớp đầu cấp.

- Chỉ đạo Hiệu trưởng các trường THCS và giáo viên chủ nhiệm lớp 9 hướng dẫn, tư vấn kỹ cho học sinh và phụ huynh học sinh của lớp phụ trách đăng ký đúng nguyện vọng tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập, học sinh không được thay đổi nguyện vọng sau khi trúng tuyển.

- Phê duyệt kết quả trúng tuyển vào lớp 1 và lớp 6 trên địa bàn.

- Trực tiếp chỉ đạo, thường xuyên theo dõi, kiểm tra công tác tuyên truyền, tư vấn của các trường trực thuộc. Chú ý tuyên truyền chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10, tuyển sinh vào các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề nhằm phân luồng học sinh sau hoàn thành chương trình THCS.

3. Các cơ sở giáo dục

Xây dựng kế hoạch tuyên truyền tuyển sinh các lớp đầu cấp, kết hợp thực hiện công khai tại đơn vị. Tổ chức tuyển sinh theo quy định của ngành.

Trên đây là Kế hoạch tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2026 - 2027 của Sở Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (trình phê duyệt);
- GD, các P.GD Sở (để báo cáo);
- Các phòng Sở (để biết);
- UBND xã, phường (để p/h);
- Các trường phổ thông thuộc Sở (để t/h);
- Các trung tâm trực thuộc (để t/h);
- Lưu: VT, QLCL-CĐS.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Thái

Phụ lục
DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG ĐỀ THÍ SINH ĐĂNG KÝ NGUYỆN VỌNG
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDDT ngày /3/2026
của Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh)

TT	Tên trường	TT	Tên trường
1	THPT Tân Hưng	33	THPT Đông Thạnh
2	THCS&THPT Hưng Điền B	34	THCS&THPT Nguyễn Thị Một
3	THPT Vĩnh Hưng	35	THPT Rạch Kiến
4	THCS&THPT Khánh Hưng	36	THPT Long Cang
5	THPT Kiến Tường	37	THPT Cần Đước
6	THPT Thiên Hộ Dương	38	THPT Chu Văn An
7	THCS&THPT Bình Phong Thạnh	39	THPT Long Hựu Đông
8	THPT Tân Thạnh	40	THPT Tây Ninh
9	THCS&THPT Hậu Thạnh Đông	41	THPT Trần Đại Nghĩa
10	THPT Thạnh Hóa	42	THPT Lê Quý Đôn
11	THPT Tân An	43	THPT Lý Thường Kiệt
12	THPT Lê Quý Đôn	44	THPT Nguyễn Chí Thanh
13	THPT Hùng Vương	45	THPT Nguyễn Trung Trực
14	THPT Nguyễn Thông	46	THPT Hoàng Văn Thụ
15	THPT Phan Văn Đạt	47	THPT Lê Hồng Phong
16	THPT Tân Trụ	48	THPT Dương Minh Châu
17	THPT Nguyễn Trung Trực	49	THPT Nguyễn Thái Bình
18	THPT Thủ Thừa	50	THPT Trần Phú
19	THPT Mỹ Lạc	51	THPT Lương Thế Vinh
20	THPT Gò Đen	52	THPT Tân Châu
21	THCS&THPT Lương Hòa	53	THPT Tân Hưng
22	THPT Nguyễn Hữu Thọ	54	Trường THPT Tân Đông
23	THPT Nguyễn Trung Trực – Bến Lức	55	THPT Nguyễn Huệ
24	THPT Đức Hòa	56	THPT Huỳnh Thúc Kháng
25	THPT Võ Văn Tần	57	THPT Quang Trung
26	THPT Hậu Nghĩa	58	THPT Ngô Gia Tự
27	THPT An Ninh	59	THPT Nguyễn Văn Trỗi
28	THPT Đức Huệ	60	THPT Nguyễn Trãi
29	THCS&THPT Mỹ Quý	61	THPT Trảng Bàng
30	THCS&THPT Mỹ Bình	62	THPT Lộc Hưng
31	THPT Cần Giuộc	63	THPT Bình Thạnh
32	THPT Nguyễn Đình Chiểu		

** Thí sinh có thể chọn tối đa 03 nguyện vọng trong số 63 trường.*